

BẮC TRUNG BỘ

I. Nhận biết

Câu 1: Điều kiện sinh thái nông nghiệp nào sau đây **không** phải của Bắc Trung Bộ?

- A. Nhiều vùng biển để nuôi thủy sản.
- B. Đồng bằng hẹp, vùng đồi trước núi.
- C. Đất phù sa, đất feralit và đất badan.
- D. Thường xảy ra thiên tai, nạn cát bay.

Câu 2: Tỉnh trọng điểm nghề cá ở Bắc Trung Bộ là

- A. Nghệ An.
- B. Thanh Hóa.
- C. Hà Tĩnh.
- D. Thừa Thiên - Huế.

Câu 3: Trong tổng diện tích đất có rừng của vùng Bắc Trung Bộ, loại rừng nào sau đây có diện tích lớn nhất?

- A. Sản xuất.
- B. Phòng hộ.
- C. Nhập mặn.
- D. Đặc dụng.

Câu 4: Vùng gò đồi trước núi của Bắc Trung Bộ có thế mạnh về

- A. chăn nuôi đại gia súc.
- B. cây công nghiệp hàng năm.
- C. chăn nuôi gia cầm.
- D. cây lương thực và nuôi lợn.

Câu 5: Các loại cây công nghiệp hàng năm thích hợp với vùng đất cát pha ven biển của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. lạc, mía, thuốc lá.
- B. lạc, đậu tương, đay, cói.
- C. dâu tằm, lạc, cói.
- D. lạc, dâu tằm, bông, cói.

Câu 6: Các nhà máy xi măng lớn thuộc vùng Bắc Trung Bộ là

- A. Bim Sơn, Hoàng Mai, Tam Điệp.
- B. Bim Sơn, Hoàng Mai, Nghi Sơn.
- C. Bim Sơn, Hoàng Mai, Hoàng Thạch.
- D. Bim Sơn, Tam Điệp, Yên Bình.

Câu 7: Bắc Trung Bộ gồm bao nhiêu tỉnh?

- A. 5.
- B. 6.
- C. 7.
- D. 8.

Câu 8: Loại đất chủ yếu ở dải đồng bằng ven biển Bắc Trung Bộ là

- A. đất phèn.
- B. đất xám.
- C. đất cát pha.
- D. đất mặn.

Câu 9: Bắc Trung Bộ **không** tiếp giáp với vùng kinh tế nào sau đây?

- A. Đồng bằng sông Hồng.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Duyên hải Nam Trung Bộ.
- D. Tây nguyên.

Câu 10: Vấn đề có ý nghĩa hàng đầu đối với sự hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. phát triển các vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.
- B. phát triển vùng trọng điểm trồng cây lương thực, thực phẩm.
- C. vấn đề phát triển ngành nuôi trồng thủy sản.
- D. hình thành cơ cấu nông - lâm - ngư nghiệp.

Câu 11: Diện tích rừng giàu của Bắc Trung Bộ hiện nay chủ yếu tập trung ở

- A. vùng núi biên giới Việt - Lào.
- B. vùng đồi núi thấp.
- C. đồng bằng ven biển.
- D. các đảo gần bờ.

Câu 12: Tài nguyên khoáng sản có giá trị lớn nhất trong vùng Bắc Trung Bộ là

- A. crôm, thiếc, sắt, đá vôi, sét, đá quý.
- B. crôm, thiếc, đá vôi, đồng.
- C. Đá vôi, thiếc, a patit, kẽm.
- D. Dầu khí, than, đá vôi.

II. Thông hiểu

Câu 1: Hạn chế lớn nhất về tự nhiên trong phát triển nông nghiệp của Bắc Trung Bộ là

- A. bão, lũ lụt, hạn hán.
- B. gió Lào khô nóng, bão cát.
- C. xâm nhập mặn, ngập úng.
- D. sóng lừng, sạt lở bờ biển.

Câu 2: Từ Tây sang Đông ở Bắc Trung Bộ thuận lợi để hình thành cơ cấu kinh tế theo không gian là

- A. nông - lâm - ngư nghiệp.
- B. lâm - nông - ngư nghiệp.
- C. ngư - nông - lâm nghiệp.
- D. ngư - lâm - nông nghiệp.

Câu 3: Khó khăn nào sau đây là chủ yếu làm cho cơ cấu công nghiệp của Bắc Trung Bộ chưa được hoàn chỉnh?

- A. Nguyên liệu, nhiên liệu còn thiếu.
- B. Vốn và kỹ thuật còn nhiều hạn chế.
- C. Lao động ít và thiếu kinh nghiệm.
- D. Thị trường nhỏ và còn biến động.

Câu 4: Ý nghĩa quan trọng nhất của đường Hồ Chí Minh đối với vùng Bắc Trung Bộ là

- A. tạo thể mờ hơn nữa để tiếp tục thu hút đầu tư.
- B. thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.
- C. thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của vùng phía tây.
- D. tạo thể liên hoàn trong cơ cấu kinh tế theo không gian.

Câu 5: Việc hình thành cơ cấu nông lâm ngư nghiệp vùng Bắc Trung Bộ có ý nghĩa lớn nhất là

- A. tạo nên thể liên hoàn trong phát triển kinh tế.
- B. giải quyết nhiều việc làm cho người lao động.
- C. giúp hình thành các mô hình sản xuất mới.
- D. tạo nên các sản phẩm thể mạnh của vùng.

Câu 6: Chuyên môn hóa sản xuất cây công nghiệp lâu năm ở Bắc Trung Bộ chủ yếu dựa vào điều kiện thuận lợi nào sau đây?

- A. Đất badan màu mỡ ở vùng đồi trước núi.
- B. Đất cát pha ở các đồng bằng ven biển.
- C. Dân có kinh nghiệm chinh phục tự nhiên.
- D. Có một số cơ sở công nghiệp chế biến.

Câu 7: Vai trò quan trọng của rừng đặc dụng ở Bắc Trung Bộ là

- A. ngăn chặn nạn cát bay và cát chảy.
- B. cung cấp nhiều lâm sản có giá trị.
- C. hạn chế tác hại các cơn lũ đột ngột.
- D. bảo tồn các loài sinh vật quý hiếm.

Câu 8: Hầu hết các nhà máy thủy điện ở Bắc Trung Bộ có công suất nhỏ, chủ yếu là do

- A. sông suối luôn ít nước quanh năm.
- B. phần lớn là các sông ngắn, trữ năng thủy điện ít.
- C. thiếu vốn để xây dựng các nhà máy thủy điện lớn.
- D. nhu cầu tiêu thụ điện không lớn.

Câu 9: Vấn đề cần đặc biệt chú ý trong việc phát triển ngư nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. giảm việc khai thác để duy trì trữ lượng thủy sản.
- B. khai thác hợp lý đi đôi bảo vệ nguồn lợi thủy sản.
- C. hạn chế việc nuôi trồng để bảo vệ môi trường ven biển.
- D. ngừng việc khai thác ven bờ, đầu tư cho đánh bắt xa bờ.

Câu 10: Ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển các cửa khẩu của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy sự phát triển kinh tế của các huyện phía tây.
- B. tăng cường giao lưu, hợp tác với các nước láng giềng.
- C. phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới.
- D. thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng giao lưu quốc tế.

Câu 11: Vấn đề thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài ở Bắc Trung Bộ còn hạn chế, chủ yếu là do

- A. nguồn tài nguyên nghèo nàn.
- B. nguồn lao động trình độ thấp.
- C. điều kiện tự nhiên khắc nghiệt.
- D. cơ sở hạ tầng kém phát triển.

Câu 12: Vấn đề nào sau đây **không** phải là hạn chế lớn trong phát triển ngư nghiệp ở Bắc Trung Bộ?

- A. Thiếu nguồn lao động.
- B. Nguồn lợi ven bờ suy giảm.
- C. Bão và gió mùa Đông Bắc.
- D. Tàu thuyền, ngư cụ lạc hậu.

Câu 13: Ngành công nghiệp của Bắc Trung Bộ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng chủ yếu do

- A. thiếu tài nguyên thiên nhiên.
- B. thiên tai xảy ra nhiều.
- C. hậu quả của chiến tranh.
- D. cơ sở hạ tầng yếu kém.

Câu 14: Việc trồng rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ có tác dụng chính là

- A. điều hòa nguồn nước.
- B. hạn chế tác hại của lũ.
- C. chống xói mòn, rửa trôi.
- D. hạn chế di chuyển của cát.

Câu 15: Tổng diện tích vùng Bắc Trung Bộ là 51,5 nghìn km², độ che phủ rừng là 47,8%. Diện tích đất có rừng của vùng là

- A. 2 461,7 km².
- B. 2 461,7 ha.
- C. 24 617 ha.
- D. 24 617 km².

Câu 16: So với Duyên hải Nam Trung Bộ, Bắc Trung Bộ có ưu thế hơn hẳn để phát triển nghề

- A. sản xuất muối.
- B. nuôi cá.
- C. đánh bắt cá biển.
- D. nuôi tôm.

III. Vận dụng

Câu 1: Biện pháp quan trọng nhất để phòng chống thiên tai ở vùng Bắc Trung Bộ là

- A. bảo vệ, phát triển rừng.
- C. xây dựng đê, kè chắn sóng.

- B. xây dựng các hồ thủy lợi.
- D. di dân đến các vùng khác.

Câu 2: Khó khăn chủ yếu đối với việc phát triển công nghiệp năng lượng của vùng Bắc Trung Bộ là

- A. thiên tai thường xuyên xảy ra.
- B. hạn chế về nguồn nhiên liệu tại chỗ.
- C. thiếu vốn và công nghệ lạc hậu.
- D. chất lượng nguồn lao động thấp.

Câu 3: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Bắc Trung Bộ?

- A. Làm thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ.
- B. Phân bố lại dân cư, hình thành mạng lưới đô thị mới.
- C. Đẩy mạnh giao lưu với các vùng, quốc gia ở khu vực.
- D. Nâng cao hiệu quả bảo vệ tài nguyên và môi trường.

Câu 4: Để tạo thế liên hoàn trong phát triển cơ cấu kinh tế theo không gian ở vùng Bắc Trung Bộ, biện pháp quan trọng nhất là

- A. phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải.
- B. phát triển kinh tế - xã hội ở vùng phía tây.
- C. hình thành các trung tâm công nghiệp gắn với các đô thị lớn.
- D. gắn các vùng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp với ngư nghiệp.

Câu 5: Nhân tố nào sau đây tác động chủ yếu đến sự thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển ở Bắc Trung Bộ?

- A. Mở rộng các cơ sở công nghiệp chế biến thủy sản.
- B. Đẩy mạnh nuôi trồng thủy sản nước mặn, nước lợ.
- C. Tăng cường phương tiện hiện đại để đánh bắt xa bờ.
- D. Phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật dịch vụ nghề cá.

Câu 6: Việc xây dựng các cảng biển ở Bắc Trung Bộ có ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Làm thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển.
- B. Tạo thuận lợi để đa dạng hàng hóa vận chuyển.
- C. Làm tăng khả năng thu hút các nguồn đầu tư.
- D. Giải quyết việc làm cho người lao động tại chỗ.

Câu 7: Ý nghĩa quan trọng nhất trong việc phát triển các tuyến giao thông theo hướng Đông - Tây ở Bắc Trung Bộ là

- A. thúc đẩy phân bố lại dân cư, lao động.
- B. hình thành một mạng lưới đô thị mới.
- C. tăng cường giao thương với các nước.
- D. làm tăng nhanh khối lượng vận chuyển.

Câu 8: Cơ cấu kinh tế nông thôn ven biển Bắc Trung Bộ đang có sự thay đổi rõ nét chủ yếu là do

- A. phát triển việc nuôi trồng thủy sản.
- B. đẩy mạnh đánh bắt thủy sản xa bờ.
- C. thu hút nguồn đầu tư nước ngoài.
- D. hình thành các vùng lúa thâm canh.

Câu 9: Việc nuôi thủy sản nước lợ, nước mặn ở Bắc Trung Bộ nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Khai thác thế mạnh nổi bật của vùng ven biển.
- B. Đảm bảo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.
- C. Tạo thế liên hoàn phát triển kinh tế theo không gian.
- D. Thay đổi cơ cấu kinh tế nông thôn vùng ven biển.

Câu 10: Sự hình thành cơ cấu nông - lâm - thủy sản ở Bắc Trung Bộ **không** nhằm mục đích chủ yếu nào sau đây?

- A. Khai thác thế mạnh ở mỗi bậc địa hình.
- B. Đa dạng hóa cơ cấu các ngành kinh tế.
- C. Hỗ trợ các ngành khác cùng phát triển.
- D. Tạo ra các mặt hàng xuất khẩu chủ lực.

Câu 11: Đàn trâu được nuôi nhiều ở Bắc Trung Bộ chủ yếu do

- A. điều kiện sinh thái thích hợp.
- B. nguồn thức ăn được đảm bảo.
- C. truyền thống chăn nuôi.
- D. nhu cầu thị trường lớn.

Câu 12: Ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng có điều kiện phát triển mạnh ở vùng Bắc Trung Bộ do

- A. nguồn lao động dồi dào.
- B. thu hút nhiều đầu tư nước ngoài.
- C. nguồn nguyên liệu phong phú.
- D. cơ sở hạ tầng phát triển.

NAM TRUNG BỘ

Nhận biết

Câu 1: Duyên hải Nam Trung Bộ có tiềm năng nổi bật nhất trong phát triển hoạt động kinh tế nào sau đây?

- A. Kinh tế biển. B. Sản xuất lương thực. C. Thủy điện. D. Khai thác khoáng sản.

Câu 2: Nguyên nhân chủ yếu để Duyên hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn Bắc Trung Bộ trong khai thác hải sản là

- A. có các ngư trường rộng lớn. B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.
C. có nhiều vũng, vịnh, đầm phá. D. có các điều kiện hải văn thuận lợi.

Câu 3: Thuận lợi chủ yếu của việc nuôi trồng thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. bờ biển có nhiều vũng vịnh, đầm phá. B. có nhiều loài cá quý, loài tôm mực.
C. liền kề với các ngư trường lớn. D. hoạt động chế biến hải sản đa dạng.

Câu 4: Vấn đề có ý nghĩa quan trọng nhất trong việc nâng cao quả hiệu kinh tế của ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt. B. đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.
C. khai thác hợp lý và bảo vệ các nguồn lợi. D. khai thác, nuôi trồng kết hợp chế biến.

Câu 5: Diện tích của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. 51,5 nghìn km². B. 44,4 nghìn km². C. 54,7 nghìn km². D. 23,6 nghìn km².

Câu 6: Số lượng các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. 5. B. 6. C. 8. D. 10.

Câu 7: Từ Bắc đến Nam của vùng Duyên hải Nam Trung bắt đầu thành phố Đà Nẵng đến tỉnh

- A. Bình Thuận. B. Ninh Thuận. C. Khánh Hòa. D. Bình Định.

Câu 8: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ đang tiến hành khai thác các mỏ dầu khí ở đảo

- A. Phú Quý. B. Lý Sơn. C. Tri Tôn. D. Phan Vinh.

Câu 9: Nghề nuôi tôm hùm, tôm sú phát triển mạnh nhất ở các tỉnh nào sau đây của Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng, Quảng Nam. B. Quảng Ngãi, Bình Định.
C. Phú Yên, Khánh Hòa. D. Ninh Thuận, Bình Thuận.

Câu 10: Trung tâm du lịch quan trọng nhất của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Nha Trang. B. Phan Thiết. C. Đà Nẵng. D. Quảng Ngãi.

Câu 11: Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt thuộc các tỉnh, thành phố nào của nước ta?

- A. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Quảng Ngãi. B. Tỉnh Quảng Ngãi và thành phố Đà Nẵng.
C. Tỉnh Khánh Hòa và thành phố Đà Nẵng. D. Thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

Câu 12: Sân bay quốc tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Cam Ranh. B. Quy Nhơn. C. Chu Lai. D. Đà Nẵng.

Câu 13: Dầu khí đang được khai thác tại tỉnh nào sau đây của Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Khánh Hòa. B. Phú Yên. C. Bình Thuận. D. Ninh Thuận.

Câu 14: Khu kinh tế mở Chu Lai thuộc tỉnh, thành phố nào sau đây của Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Đà Nẵng. B. Quảng Nam. C. Quảng Ngãi. D. Khánh Hòa.

Câu 15: Các đồng muối nổi tiếng của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. Thuận An, Văn Lý. B. Cà Ná, Sa Huỳnh. C. Cà Ná, Văn Lý. D. Sa Huỳnh, Thuận An.

Câu 16: Thương hiệu nước mắm nổi tiếng nào sau đây thuộc tỉnh Bình Thuận?

- A. Nha Trang. B. Phan Thiết. C. Quy Nhơn. D. Phú Quốc.

Câu 17: Nghề làm muối phát triển mạnh nhất ở

- A. Duyên Hải Nam Trung Bộ. B. Bắc Trung Bộ.
C. Đông Nam Bộ. D. đồng bằng sông Cửu Long.

Thông hiểu

Câu 1: Điều kiện nào sau đây thuận lợi nhất để Duyên hải Nam Trung Bộ xây dựng cảng nước sâu?

- A. Bờ biển dài, nhiều đầm phá. B. Các tỉnh/thành phố đều giáp biển.

C. Có nhiều vịnh biển sâu, kín gió.

D. Ít chịu ảnh hưởng của bão.

Câu 2: Thế mạnh về tự nhiên nào sau đây là quan trọng nhất để phát triển khai thác thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ ?

A. Nhiều vịnh, đầm phá, bãi triều.

B. Bờ biển dài, có các ngư trường lớn.

C. Ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa Đông Bắc.

D. Bờ biển có nhiều vịnh để xây dựng cảng cá.

Câu 3: Khó khăn lớn nhất về tự nhiên đối với sản xuất nông nghiệp ở các tỉnh cực Nam Trung Bộ là

A. địa hình phân hoá sâu sắc.

B. ảnh hưởng của gió phơn và bão.

C. thiếu nước, nhất là vào mùa khô.

D. nạn cát bay lấn sâu vào ruộng đồng.

Câu 4: Biện pháp quan trọng nhất đối với ngành thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. đầu tư phương tiện và tập trung đánh bắt.

B. đào tạo lao động và đẩy mạnh xuất khẩu.

C. khai thác hợp lý và bảo vệ các nguồn lợi.

D. phát triển nuôi trồng và đẩy mạnh chế biến.

Câu 5: Vấn đề cần quan tâm nhất trong phát triển công nghiệp ở Duyên hải Nam Trung bộ là

A. giải quyết tốt vấn đề năng lượng.

B. giải quyết vấn đề ô nhiễm nguồn nước.

C. nâng cao chất lượng nguồn lao động.

D. xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông vận tải.

Câu 6: Ý nghĩa chủ yếu việc nâng cấp quốc lộ 1 và đường sắt Bắc - Nam ở Duyên hải Nam Trung bộ là

A. tăng vai trò trung chuyển của vùng.

B. đẩy mạnh sự giao lưu giữa các tỉnh.

C. tăng cường giao lưu với vùng Tây Nguyên.

D. tăng cường quan hệ với các nước láng giềng.

Câu 7: Thế mạnh để phát triển tổng hợp kinh tế biển ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. nghề cá, du lịch biển, dịch vụ hàng hải, khai khoáng.

B. khai thác khoáng sản ở thềm lục địa, giao thông biển.

C. du lịch biển, đánh bắt và nuôi trồng thủy sản.

D. giao thông vận tải biển, nuôi trồng thủy sản.

Câu 8: Cảng nước sâu Dung Quất ở Quảng Ngãi gắn liền với

A. nhà máy lọc dầu.

B. nhà máy sản xuất xi măng.

C. nhà máy đóng tàu biển.

D. nhà máy chế biến thực phẩm.

Câu 9: Thế mạnh tự nhiên thuận lợi nhất trong việc phát triển ngành đánh bắt thủy sản ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. bờ biển dài, nhiều ngư trường, bãi tôm, bãi cá.

B. ít chịu ảnh hưởng của bão và gió mùa đông bắc.

C. bờ biển có nhiều khả năng xây dựng cảng cá.

D. ngoài khơi có nhiều loài có giá trị kinh tế cao.

Câu 10: Để tăng hệ số sử dụng đất ở Duyên hải Nam Trung Bộ, biện pháp quan trọng hàng đầu là

A. xây dựng các hồ chứa nước, bảo vệ rừng.

B. trồng cây chịu hạn trên đất trống đồi trọc.

C. trồng và bảo vệ rừng phòng hộ ven biển.

D. phòng chống thiên tai trong mùa mưa bão.

Câu 11: Việc tăng cường kết cấu hạ tầng giao thông vận tải có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong việc hình thành cơ cấu kinh tế của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ vì

A. tạo ra thế mở cửa, phân công lao động, giao lưu kinh tế.

B. tạo ra thế mở cửa, phân công lao động.

C. phân công lao động, giao lưu kinh tế.

D. tăng cường vai trò trung chuyển của vùng.

Câu 12: Yếu tố quan trọng thúc đẩy sự hình thành khu công nghiệp tập trung, khu chế xuất ở Duyên Hải Nam Trung Bộ là

A. nguồn lao động dồi dào.

B. giàu tài nguyên khoáng sản.

C. thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

D. diện tích rộng lớn.

Câu 13: Ngành kinh tế nào sau đây có điều kiện thuận lợi nhất để phát triển ở Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Trồng trọt.

B. Chăn nuôi.

C. Thủy sản.

D. Khai khoáng.

Câu 14: Những tài nguyên khoáng sản có giá trị ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. vàng, vật liệu xây dựng, crômít.

B. vật liệu xây dựng, vàng, than đá

C. vật liệu xây dựng, cát làm thủy tinh, vàng.

D. cát làm thủy tinh, vàng, bôxit.

Câu 15: Những địa phương nổi tiếng với nghề sản xuất muối ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Quảng Nam, Quảng Ngãi.

B. Bình Định, Ninh Thuận.

C. Quảng Ngãi, Ninh Thuận.

D. Ninh Thuận, Bình Thuận.

Câu 16: Cảng trung chuyển quốc tế lớn nhất nước ta đang được xây dựng ở vịnh

A. Cam Ranh.

B. Xuân Đài.

C. Dung Quất.

D. Vân Phong.

Câu 17: Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ có điều kiện thuận lợi nhất để

A. phát triển tổng hợp kinh tế biển.

B. trồng cây công nghiệp nhiệt đới.

C. chăn nuôi đại gia súc.

D. phát triển thủy điện.

Câu 18: Vấn đề đặt ra hàng đầu trong sử dụng đất nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. chống nạn cát bay lấn chiếm đồng ruộng.

B. chống ngập úng trong mùa mưa.

C. giải quyết tốt vấn đề thủy lợi.

D. cải tạo đất phèn, đất mặn.

Câu 19: Thế mạnh lớn nhất về tài nguyên thiên nhiên vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. tài nguyên khoáng sản.

B. tài nguyên thủy điện.

C. tài nguyên biển.

D. tài nguyên đất.